TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2018
Vụ án: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Liệt Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Phú
Bà Trương Ngọc Diện

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văng Thị Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Phạm Thị G, sinh năm: 1999, (Có mặt).
Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
- ***Bị đơn:*** Ông Chang Chao N, sinh năm: 1975, (Xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Lộ T, khóm 019, phường T, khu vực T, thành phố C, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày: Bà và ông Chang Chao N quen biết thông qua mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2017, được Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2007. Sau khi kết hôn ông N tiến hành thủ tục bảo lãnh cho bà sang Đài Loan để đoàn tựu cùng ông, tuy nhiên, khi bà thực hiện thủ tục phỏng vấn tại Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh thì hồ sơ xin nhập cảnh của bà bị từ chối. Sau đó ông N trở về Đài Loan sinh sống đến nay.

Do cách trở về địa lý và bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán nên ông bà đã thống nhất ly hôn. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chang Chao N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản thuận tình ly hôn ngày 02/10/2017, bị đơn ông Chang Chao N trình bày thống nhất về quan hệ hôn nhân, về con chung, nợ chung và tài sản chung như bà G đã trình bày. Ông đồng ý ly hôn với bà G.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Chang Chao N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị G và ông Chang Chao N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/4/2017. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Do ông Chang Chao N là người mang quốc tịch Đài Loan và đang định cư tại Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị G, nhận thấy, sau khi kết hôn thì bà Phạm Thì G và ông Chang Chao N chỉ chung sống với nhau trong một khoảng thời gian ngắn. Khi hồ sơ xin nhập cảnh Đài Loan của bà G bị từ chối thì ông N đã trở về Đài Loan sinh sống và không tiếp tục thực hiện thủ tục bảo lãnh bà G sang Đài Loan để đoàn tựu cùng ông. Giữa ông N và bà G phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán; Ông bà không có điều kiện để vun đắp, xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Hiện tại ông, bà đã không còn tình cảm với nhau, không đưa ra phương án để cùng đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị G được ly hôn với ông Chang Chao N.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị G và ông Chang Chao N cùng trình bày là không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị G phải chịu theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 207, Điều 227, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, Khoản 2 Điều 123 và Khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị G đối với ông Chang Chao N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị G được ly hôn với ông Chang Chao N

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001031 ngày 24/01/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Chang Chao N có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Liệt Trinh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THA-TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.